

Số: 1900/QĐ-UBND

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 23 tháng 7 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch hành động phát triển ngành tôm  
tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-TTg ngày 18/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia phát triển ngành tôm Việt Nam đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định 1548/QĐ-UBND ngày 10/8/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 224/TTr-SNN ngày 19/6/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động phát triển ngành tôm đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Công thương, Ngân hàng Nhà nước VN chi nhánh tỉnh, Điện lực tỉnh; Ban quản lý Dự án chuyên ngành Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Hội nghề cá tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Bộ NN&PTNT (b/c);
- Tổng cục Thủy sản;
- TTr Tỉnh Ủy (b/c);
- TTr UBND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lưu VT ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**K.T. CHỦ TỊCH**

**HỒ CHỮ TỊCH**



**Lê Tuấn Quốc**

## KẾ HOẠCH

### Hành động phát triển ngành tôm tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1900/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

## I. MỤC TIÊU

### 1 Mục tiêu tổng quát

Phát triển ngành tôm bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường sinh thái, chú trọng phát triển nuôi theo hướng ứng dụng công nghệ cao, nâng cao năng suất và chất lượng, giá trị, hiệu quả sản xuất và sức cạnh tranh của sản phẩm tôm Việt Nam; mang lại lợi ích cho người nuôi, doanh nghiệp và nền kinh tế của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

### 2 Mục tiêu cụ thể

- Giai đoạn đến năm 2020: Tăng năng suất, sản lượng, chất lượng và giá trị sản phẩm thông qua áp dụng các tiến bộ về khoa học công nghệ; xây dựng nền tảng cần thiết để thúc đẩy tăng trưởng bền vững ở giai đoạn tiếp theo. Một số chỉ tiêu cụ thể:

+ Tổng diện tích nuôi tôm nước lợ đạt 3.410 ha; trong đó, diện tích nuôi tôm Sú thâm canh, bán thâm canh và quảng canh cải tiến lần lượt đạt 570 ha, 440 ha và 1.825 ha; diện tích nuôi tôm Thẻ chân trắng là 575 ha.

+ Tổng sản lượng tôm nuôi nước lợ đạt 8.204 tấn. Trong đó: Sản lượng tôm sú 2.744 tấn; tôm thẻ chân trắng đạt 5.460 tấn.

+ Tổng số cơ sở sản xuất giống 120 cơ sở, với diện tích sản xuất giống thủy sản 150 ha, đạt 5 tỷ con tôm giống nước lợ.

- Giai đoạn 2021 – 2025: Ngành công nghiệp sản xuất tôm công nghệ cao và nuôi quảng canh được hình thành và tổ chức sản xuất hợp lý; hệ thống cơ sở hạ tầng, dịch vụ kỹ thuật được đầu tư đồng bộ, hiệu quả và bền vững. Một số chỉ tiêu cụ thể:

+ Tổng diện tích nuôi tôm nước lợ đạt 2.910 ha. Trong đó, diện tích nuôi tôm sú đạt 2.310 ha; diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng đạt 600 ha.

+ Tổng sản lượng tôm nước lợ nuôi đạt 8.500 tấn. Trong đó, sản lượng tôm sú đạt 2.400 tấn; tôm thẻ chân trắng đạt 6.100 tấn.

+ Diện tích sản xuất giống thủy sản 297 ha, đạt 7,5 tỷ con tôm giống nước lợ.

## II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Phát huy tiềm năng về điều kiện tự nhiên, đặc biệt là lợi thế về điều kiện tự nhiên và lợi thế kinh nghiệm của người dân để phát triển ngành tôm hiệu quả, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phát triển mô hình nuôi tôm công nghiệp ứng dụng công nghệ cao với quy mô nhân rộng, phù hợp với đặc điểm từng vùng, thân thiện với môi trường; tạo ra sản phẩm có chất lượng cao (tôm sinh thái, hữu cơ, có chứng nhận an toàn v.v..), hướng tới không sử dụng hoá chất, thuốc kháng sinh ở tất cả các phương thức nuôi và các khâu trong chuỗi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm tôm.

- Phát triển ngành tôm gắn với thị trường tiêu thụ, nâng cao chất lượng và xây dựng các thương hiệu sản phẩm tôm theo vùng, phương thức nuôi.

- Phát triển ngành tôm theo tư duy hệ thống và chuỗi giá trị, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò là trụ cột, đầu tàu và là động lực của toàn chuỗi giá trị. Tổ chức lại sản xuất theo hướng hợp tác, liên kết các nhóm hộ sản xuất nhỏ lẻ để tạo vùng sản xuất nguyên liệu tập trung quy mô lớn, tạo đầu mối để liên kết với các doanh nghiệp cung ứng vật tư đầu vào và tiêu thụ sản phẩm.

- Phát triển ngành tôm phải gắn kết hài hoà với các ngành kinh tế khác, không gây xung đột, mâu thuẫn, kìm hãm giữa các ngành sản xuất, đặc biệt là du lịch.

### **III. NHIỆM VỤ**

#### **1. Đối với nuôi tôm nước lợ**

- Tổ chức rà soát, quy hoạch và quy hoạch lại các vùng nuôi tôm công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, vùng sản xuất giống tập trung. Đưa năng suất nuôi tôm công nghiệp của tỉnh trung bình đạt 4 tấn/ha đối với tôm sú và 9-9,5 tấn/ha đối với tôm thẻ chân trắng.

- Sản xuất lượng tôm giống sạch bệnh, tăng trưởng nhanh để phục vụ các vùng nuôi tôm nước lợ công nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong và ngoài tỉnh.

- Áp dụng công nghệ mới, tiên tiến, phù hợp với từng vùng sinh thái và áp dụng vào thực tiễn sản xuất để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm rủi ro và bảo vệ môi trường.

- Phối hợp Sở, Ngành kiểm tra, kiểm soát hệ thống sản xuất, phân phối con giống, thức ăn, thuốc, hoá chất và vật tư phục vụ ngành tôm trên phạm vi của tỉnh. Giám sát chặt chẽ chất lượng, giá vật tư cung cấp cho sản xuất tôm để đảm bảo thị trường minh bạch, tăng khả năng cạnh tranh và hiệu quả sản xuất ngành tôm Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Quản lý và kiểm soát chặt chẽ dư lượng kháng sinh, hoá chất, nguồn nước cấp, nước thải của các cơ sở sản xuất, chế biến tôm công nghiệp tập trung.

- Đầu tư xây dựng để cung cấp đủ điện ba pha cho các vùng sản xuất tôm tập trung. Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống giao thông, thuỷ lợi và cơ sở hạ tầng thiết yếu các vùng sản xuất tôm tập trung.

- Áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia, quy trình sản xuất ở tất cả các khâu trong chuỗi giá trị ngành tôm.

## **2. Đối với nuôi tôm sinh thái (đa loài), quảng canh**

- Quy hoạch hình thành vùng nuôi tôm sinh thái, quảng canh, đưa năng suất trung bình đạt trên 600kg/ha.

- Tổ chức tổng kết, đánh giá các mô hình nuôi tôm thành công để hướng dẫn cho người sản xuất áp dụng (thả giống lớn, kết hợp trồng rong, nuôi ghép với các loài cá ăn mùn bã hữu cơ trong ao tôm, bổ sung thức ăn, chế phẩm sinh học,...) để tăng năng suất, sản lượng và chất lượng sản phẩm trong điều kiện thời tiết, khí hậu biến đổi ngày càng phức tạp và khó dự báo.

- Tổ chức sản xuất dạng Tổ hợp tác, Hợp tác xã liên kết với các Doanh nghiệp theo chuỗi (theo hình thức doanh nghiệp cung ứng con giống lớn, vật tư thiết yếu và thu mua sản phẩm để hạn chế rủi ro về thị trường, giá cả và chất lượng sản phẩm tôm).

## **3. Đối với thu mua và tiêu thụ sản phẩm tôm**

- Xây dựng hình thức, cơ chế liên kết phù hợp giữa các cơ sở thu mua với cơ sở nuôi để giảm thiểu rủi ro về thị trường, giá cả và tăng hiệu quả sản xuất.

- Quản lý, kiểm soát chặt chẽ hoạt động thu mua nguyên liệu, nhập nguyên liệu, đặc biệt ngăn chặn các hoạt động bơm chích tạp chất vào sản phẩm tôm gây mất an toàn vệ sinh thực phẩm, ảnh hưởng đến uy tín và thương hiệu sản phẩm tôm Việt Nam nói chung và của tỉnh nói riêng.

- Kiểm soát chặt chẽ nguồn nước thải, chất thải, công tác bảo hộ, an toàn lao động đối với các cơ sở thu mua, chế biến tôm trên địa bàn tỉnh.

- Tham gia, tổ chức các hội nghị xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ và các biện pháp bảo quản sau thu hoạch để xuất khẩu tôm hùm, tôm nước lợ.

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến đưa vào sơ chế, bảo quản tôm để tăng tỷ trọng mặt hàng giá trị gia tăng, đáp ứng yêu cầu các nước nhập khẩu và bảo vệ môi trường.

- Xây dựng các thương hiệu sản phẩm ngành tôm, vùng, sản phẩm có chỉ dẫn địa lý có uy tín, đáp ứng thị hiếu và lòng tin của người tiêu dùng thế giới.

- Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp có nhu cầu có thể đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến thủy sản ngay tại vùng sản xuất nguyên liệu tôm của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

## **IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Tổ chức sản xuất**

- Rà soát quy hoạch, đầu tư nâng cấp hạ tầng thủy lợi và giao thông đầu mối, nguồn điện ba pha tại các vùng sản xuất tôm công nghiệp, tập trung.

- Phối hợp các ban ngành chức năng, hiệp hội, doanh nghiệp, người sản xuất để tổ chức lại các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, phân tán thành các Tổ hợp tác, Hợp tác xã theo hình thức hợp tác để tạo cơ sở quy mô lớn, tập trung, đủ điều kiện liên kết với các doanh nghiệp cung ứng vật tư đầu vào và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

- Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật để áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý, sản xuất tôm; ứng dụng công nghệ mới như tin học, viễn thám để quản lý môi trường, dịch bệnh ở các vùng nuôi tập trung.

- Xây dựng và phát triển các vùng nguyên liệu sản xuất thủy sản an toàn: Thúc đẩy áp dụng rộng rãi mô hình VietGAP và hình thành hệ thống phân phối thủy sản an toàn, kết nối người tiêu dùng với thủy sản an toàn: Thường xuyên tuyên truyền cho người dân nuôi trồng thủy sản tầm quan trọng và lợi ích của việc nuôi trồng thủy sản áp dụng theo hướng VietGAP, áp dụng các mô hình nuôi sạch, an toàn sinh học nhằm phát triển sản phẩm thủy sản sạch, an toàn, tốt cho sức khỏe người tiêu dùng, tạo lợi thế cạnh tranh, nâng cao giá trị sản phẩm thủy sản của địa phương. Đồng thời, lựa chọn những cơ sở nuôi đạt hiệu quả cao, đảm bảo chất lượng để hình thành hệ thống phân phối thủy sản an toàn, kết nối người tiêu dùng với thủy sản sạch, an toàn.

- Phát triển các vùng nuôi thủy sản thâm canh ứng dụng công nghệ cao, nuôi tiết kiệm nước, nuôi an toàn sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái

## **2. Khoa học công nghệ**

- Thường xuyên cập nhật các mô hình nuôi ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến đạt hiệu quả cao trong sản xuất và phát triển bền vững để giới thiệu đến người dân nuôi trồng thủy sản trong tỉnh nắm bắt và áp dụng nhằm phát triển nuôi trồng thủy sản của địa phương.

- Áp dụng vào thực tiễn các thiết bị, các đối tượng, các quy trình sản xuất giống, quy trình nuôi tiên tiến ở các nước có điều kiện tự nhiên tương đồng với nước ta.

- Vận động, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, các biện pháp quản lý tiên tiến vào các vùng sản xuất tôm ứng dụng công nghệ cao và cả vùng tôm quảng canh sinh thái. Thay thế dần chất xử lý cải tạo môi trường từ hóa chất sang chế phẩm sinh học thân thiện với môi trường, không sử dụng kháng sinh trong nuôi tôm để tạo sản phẩm đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm và cung cấp nguồn nguyên liệu lớn, tập trung cho các nhà máy chế biến xuất khẩu.

- Phát triển nuôi theo phương pháp mới, như: Áp dụng Biofloc; Sử dụng chế phẩm sinh học; Ứng dụng công nghệ sinh học ủ lên men vi sinh và sử dụng sản phẩm này làm sạch môi trường ao nuôi thương phẩm; Áp dụng VietGAP nhằm đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn môi trường, an sinh xã hội và truy xuất được nguồn gốc sản phẩm; Thực hiện mô hình quản lý thực phẩm theo “Chuỗi thực phẩm an toàn” nhằm kiểm tra, giám sát để bảo đảm được chất lượng an toàn thực phẩm đối với thực phẩm, truy xuất được nguồn gốc sản phẩm thuộc chuỗi, góp phần đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Xây dựng các mô hình điểm nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao; chuyển giao các mô hình nuôi hiệu quả, tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm và phổ biến rộng rãi đến các tổ chức, cá nhân nuôi trồng thủy sản.

- Tổ chức tổng kết, đánh giá các mô hình sản xuất tôm hiệu quả để nhân rộng. Tuyên truyền, hướng dẫn áp dụng kỹ thuật mới, tiên tiến, công nghệ sinh học, công nghệ cao vào các vùng sản xuất tôm.

- Phối hợp với các Trường, Viện nghiên cứu để đẩy mạnh công tác chuyển giao các quy trình sản xuất giống, quy trình nuôi đã nghiên cứu thành công của các đối tượng có giá trị kinh tế.

### **3. Giải pháp về thị trường, tiêu thụ sản phẩm**

- Chủ động nắm bắt thông tin thị trường, giá cả để cung cấp cho các doanh nghiệp, người sản xuất, không để người nuôi bị động về thị trường.

- Hướng dẫn các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công bố tiêu chuẩn chất lượng áp dụng trong quá trình sản xuất sản phẩm và chất lượng hàng hóa đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng.

- Phối hợp, tổ chức và hỗ trợ các doanh nghiệp hoạt động trong ngành tôm tham gia các hội trợ triển lãm trong tỉnh cũng như các vùng lân cận, tham gia các chương trình xúc tiến thương mại để giới thiệu, quảng bá sản phẩm và tìm kiếm các nhà đầu tư, mở rộng thị trường tiêu thụ.

- Xây dựng và quảng bá thương hiệu tôm sạch, an toàn để người tiêu dùng dễ nắm bắt và tiếp cận được nguồn sản phẩm đạt tiêu chuẩn, chất lượng cao, từng bước tạo được lòng tin không chỉ của người tiêu dùng trong nước mà còn hướng đến các thị trường xuất khẩu lớn.

- Thiết lập chuỗi giá trị ngành hàng, xác định và hình thành mối liên kết giữa người cung ứng vật tư, người sản xuất, người chế biến, tiêu thụ và quản lý. Tạo thành chuỗi liên kết hàng hóa an toàn và đảm bảo vệ sinh thực phẩm cung cấp đến tay người tiêu dùng, đồng thời đăng trên các trang web như một cơ sở dữ liệu về thương hiệu ngành tôm của tỉnh nhà.

- Bà Rịa – Vũng Tàu có thể mạnh về phát triển du lịch có nhiều chuỗi nhà hàng khách sạn. Do đó, cần có biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp kết nối với kênh tiêu thụ này qua các hợp đồng dài hạn để cung cấp sản phẩm tôm nói riêng và thực phẩm nói chung cho chuỗi nhà hàng khách sạn đóng trên địa bàn tỉnh.

- Tuyên truyền, phổ biến các quy định trong các hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam với các nước trong khu vực và trên thế giới, cũng như nội luật có liên quan tại thị trường nhập khẩu đến các doanh nghiệp, người sản xuất tôm để định hướng xây dựng chiến lược sản xuất, kinh doanh và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm tôm phù hợp.

### **4. Giải pháp ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường trong ngành tôm**

- Ứng dụng và tiếp tục hoàn thiện mô hình sản xuất thích ứng với biến đổi khí hậu phù hợp với từng vùng sinh thái; tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến rộng rãi các mô hình sản xuất có hiệu quả để người sản xuất áp dụng, vận dụng theo từng điều kiện từng vùng nuôi.

- Tăng cường công tác giám sát môi trường dựa vào cộng đồng; áp dụng công nghệ sản xuất xanh, giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

- Xác định những công nghệ cao tiên phong ứng dụng trong nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bao gồm: Quy trình nuôi tiên tiến đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu nuôi mới và công nghệ quản trị tiên tiến...

- Kêu gọi các nhà khoa học, các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư nghiên cứu vào lĩnh vực nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao, nuôi tôm theo mô hình tuần hoàn khép kín ít chịu ảnh hưởng từ các yếu tố môi trường xung quanh và biến đổi khí hậu.

### **5. Giải pháp về môi trường vùng nuôi và phòng chống dịch bệnh**

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quan trắc và cảnh báo môi trường cho các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung trên địa bàn tỉnh, với 14 địa điểm quan trắc; tần suất quan trắc 02 lần/tháng; chỉ tiêu quan trắc gồm: Fe, Cu, Mn, pH, độ kiềm, độ mặn, COD, NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>S ..., bình quân lấy 336 mẫu/năm.

- Trong công tác phòng chống dịch bệnh cho đối tượng nuôi trồng thủy sản, lấy tiêu chí phòng bệnh là chính, phòng chống dịch bệnh gắn chặt, không tách rời với quản lý nuôi trồng, thông qua quản lý giống tốt, sạch bệnh, quản lý tốt môi trường vùng nuôi và áp dụng công nghệ nuôi trồng tiên tiến.

### **6. Giải pháp về cơ chế chính sách**

Vận dụng, áp dụng các chính sách về khoa học công nghệ, khuyến khích áp dụng công nghệ cao, công nghệ mới vào sản xuất ở các khâu của chuỗi sản xuất tôm; các chính sách đất đai, giao, cho thuê sử dụng mặt nước (chính sách tích tụ ruộng đất, dồn điền đổi thửa tạo vùng sản xuất lớn, tập trung, trong đó doanh nghiệp là trung tâm; chính sách tín dụng, bảo hiểm.....).

Thể chế hóa các chính sách đã quy định trong Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản và các Quyết định số 332/QĐ-TTg ngày 03/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản đến 2020, Quyết định số 2194/QĐ-TTg ngày 25/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản đến năm 2020; Chính sách về bảo hiểm nông nghiệp được quy định trong Nghị định 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp.

- Tăng cường năng lực hành chính của ngành từ tỉnh xuống đến huyện, thành phố, thị xã và phường, xã, thị trấn. củng cố hệ thống quản lý nhằm phân cấp và nâng cao hiệu lực quản lý của các cấp. Tiếp tục kiện toàn hệ thống cán bộ theo dõi hoạt động NTTS xuống đến cấp phường, xã có hoạt động NTTS với nhiệm vụ theo dõi, thống kê tình hình phát triển sản xuất, kinh doanh NTTS ở địa phương, hướng dẫn người lao động thực hiện các chế độ chính sách của ngành, tỉnh; giúp đỡ người tham gia hoạt động nghề NTTS về kỹ thuật, công nghệ sản xuất.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển đảo, tiếp tục chuyển dịch cơ cấu vật nuôi và đa dạng hoá loại hình nuôi, đối tượng nuôi trên cả 03 vùng nước biển, lợ, ngọt. Trong đó tập trung vào nuôi trên biển các loài có giá trị kinh tế cao, theo hướng sản xuất hàng hóa đảm bảo hiệu quả, phù hợp điều kiện tự nhiên và đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính nhằm giảm bớt các chi phí thời gian, tiền bạc trong các khâu đăng ký kinh doanh, khắc dấu, cấp mã số và kê khai thuế, các thủ tục về đất đai, xây dựng, nhập thiết bị,...

- Khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư xây dựng phát triển cơ sở sản xuất kinh doanh các ngành nghề thủy sản theo quy hoạch phát triển NTTS của tỉnh và được hưởng chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu theo quy định hiện hành.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách nhằm thúc đẩy phát triển công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản, lấy phát triển doanh nghiệp là hạt nhân, tạo cầu nối liên kết giữa “5 nhà” trong nuôi trồng thủy sản, nhằm đưa sản phẩm nuôi thủy sản đáp ứng nhu cầu thị trường về ATTP và ổn định giá cả cho người sản xuất.

## **7. Giải pháp về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ ngành tôm**

- Khuyến khích các cơ sở nghiên cứu, đào tạo gắn kết với các doanh nghiệp, trang trại và cơ sở sản xuất tôm để đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất.

- Tập trung đào tạo cán bộ chuyên môn cao, cán bộ khoa học và cán bộ quản lý ngành tôm; xã hội hóa trong việc đào tạo lực lượng lao động trực tiếp trong ngành tôm, hướng tới đào tạo có địa chỉ, theo nhu cầu thị trường.

- Tổ chức tập huấn, đào tạo, hướng dẫn kỹ thuật, mô hình trình diễn trong sản xuất giống, nuôi tôm thương phẩm để người sản xuất, doanh nghiệp có đủ năng lực để tiếp nhận và vận hành, làm chủ những kỹ thuật công nghệ mới, tiên tiến.

## **8. Nguồn vốn thực hiện**

- Đa dạng hóa các nguồn vốn huy động, gắn với nguồn vốn của các chương trình, đề án, dự án đã được phê duyệt và đang triển khai để thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng sản xuất tập trung.

- Nguồn vốn từ xã hội hoá bằng cách thu hút các doanh nghiệp, nhà đầu tư chung tay cùng với nhà nước để cùng phát triển ngành tôm của tỉnh.

- Nguồn vốn ODA, vốn được cấp từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương ưu tiên thực hiện thành công kế hoạch phát triển ngành tôm.

## **9. Danh mục chương trình, dự án đầu tư (Chi tiết Phụ lục III đính kèm)**

- Xây dựng mở rộng khu sản xuất giống thủy sản: Tại thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ khoảng 135 ha, ứng dụng công nghệ cao nuôi vi sinh khép kín, sản xuất giống thủy sản sạch bệnh, chống chịu môi trường có biến động.



- Xây dựng vùng nuôi tôm nước lợ diện tích là 100 ha, tại xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc. Giải pháp thực hiện: Ứng dụng công nghệ nuôi vi sinh khép kín tuần hoàn hạn chế thay nước; nuôi áp dụng theo phương pháp Biofloc; nuôi mô hình siêu thâm canh và theo quy trình nuôi Áp dụng VietGAP.

- Thực hiện quy hoạch, lập dự án đầu tư khu nông nghiệp công nghệ cao nuôi trồng thủy sản tại huyện Đất Đỏ, diện tích từ 50ha – 60ha.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương**

- Chủ trì xây dựng và tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch chi tiết phát triển ngành tôm tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2025.

- Tổ chức rà soát, quy hoạch lại các vùng sản xuất tôm trên phạm vi cả tỉnh để đạt được mục tiêu đề ra đến năm 2025; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư tại các vùng nuôi tôm hiệu quả thấp.

- Lập Kế hoạch để thực hiện tốt công tác quan trắc, cảnh báo môi trường và phòng ngừa dịch bệnh; kiểm soát chất lượng vật tư đầu vào; tăng cường công tác thanh, kiểm tra đột xuất các hoạt động sản xuất kinh doanh phục vụ ngành tôm. Giám sát, kiểm soát bệnh dịch trên tôm nuôi; kiểm soát và quản lý chất lượng con giống, vật tư đầu vào, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật tư nông nghiệp trong nuôi trồng thủy sản, các cơ sở thu gom, chế biến tôm.

- Kiểm tra, giám sát để ngăn chặn nạn bơm chích tạp chất vào tôm và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong hoạt động ngành tôm.

- Tổ chức áp dụng và kiểm soát thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong chuỗi giá trị sản xuất của tôm sú, tôm thẻ chân trắng.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển ngành tôm của tỉnh.

- Xây dựng các cơ chế chính sách thu hút đầu tư vào tất cả các khâu trong chuỗi sản xuất của tôm sú, tôm thẻ chân trắng.

- Tổ chức, liên kết giữa các thành phần trong chuỗi sản xuất ngành tôm.

- Tổng kết, đánh giá các mô hình sản xuất tôm hiệu quả để phổ biến, tuyên truyền đến người sản xuất.

- Triển khai các dự án trong Kế hoạch.

- Báo cáo UBND tỉnh về tình hình thực hiện Kế hoạch định kỳ và đột xuất theo yêu cầu. Đề xuất, kiến nghị tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.

### **2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan**

- Trên cơ sở đề xuất đặt hàng của Sở NN&PTNN, các Sở, ngành và địa phương có liên quan, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh triển khai công tác xác định danh mục nhiệm vụ khoa học công nghệ phát triển ngành tôm theo quy định hiện hành như: Xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý sản

phẩm tôm; nâng cao chất lượng tôm giống; nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, mô hình tiên tiến trong nuôi trồng, chế biến và xử lý chất thải theo hướng sản xuất tôm bền vững (an toàn thực phẩm, nâng cao giá trị con tôm; bảo vệ môi trường; sử dụng hợp lý tài nguyên đất và nước; phù hợp với biến đổi khí hậu và điều kiện tự nhiên của tỉnh).

- Trên cơ sở các cơ chế, chính sách của Trung ương được ban hành, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp huy động nguồn lực từ các doanh nghiệp và các tổ chức khác tham gia vào nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ vào phát triển ngành tôm của tỉnh.

### **3. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành có liên quan**

- Chủ động thông tin thị trường, giá cả cho các doanh nghiệp, người sản xuất.

- Phối hợp, tổ chức và hỗ trợ các doanh nghiệp ngành tôm tham gia các chương trình xúc tiến thương mại để quảng bá sản phẩm và tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng tổ chức thực hiện tốt các công tác quản lý thị trường đối với ngành tôm; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong kinh doanh các sản phẩm đầu vào phục vụ cho sản xuất của ngành tôm.

### **4. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan**

- Tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí vốn hoặc kiến nghị Trung ương hỗ trợ vốn trong kế hoạch đầu tư công hàng năm, 5 năm của tỉnh và của Trung ương để thực hiện đầu tư các chương trình, dự án phát triển ngành tôm của tỉnh theo đề xuất của các cơ quan, đơn vị.

- Thẩm định và trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư các dự án theo quy định của Luật Đầu tư công và các quy định của pháp luật có liên quan trong lĩnh vực phát triển tôm lợ, mặn. Cụ thể là các dự án có liên quan đến đầu tư cơ sở hạ tầng vùng sản xuất giống và vùng nuôi tôm tập trung của tỉnh.

### **5. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở ngành liên quan**

Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thường xuyên thực hiện Kế hoạch hành động phát triển ngành tôm tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2025 theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và khả năng cân đối ngân sách.

### **6. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Xây dựng quy chế quản lý và bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Xây dựng các phương án phòng ngừa, thích ứng với biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường tác động đến ngành tôm của tỉnh.

## **7. Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh phối hợp với sở ngành chức năng thực hiện**

- Tăng cường chỉ đạo các ngân hàng thương mại trên địa bàn tiếp tục đẩy mạnh triển khai, thực hiện cho vay các chính sách tín dụng ưu đãi hiện hành đối với doanh nghiệp/hộ nuôi tôm. Đặc biệt là Chương trình cho vay đối với chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch.

## **8. Điện lực tỉnh chủ trì, phối hợp với các UBND các huyện, thị, thành phố**

- Rà soát, đánh giá hiện trạng hệ thống điện các vùng sản xuất tôm tập trung trên phạm vi cả tỉnh.

- Bố trí nguồn lực, đầu tư hạ tầng để cung cấp đủ điện ba pha cho các vùng nuôi tôm công nghiệp, ưu tiên các vùng nuôi tôm công nghiệp tập trung.

## **9. UBND các huyện, thành phố, thị xã ven biển sản xuất tôm chủ trì, phối hợp với các sở ngành chức năng**

- Tiến hành quy hoạch chi tiết các vùng nuôi trồng thủy sản trên cơ sở các Quy hoạch Tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, Quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch nuôi trồng thủy sản nước mặn, lợ các vùng ven biển tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Tổ chức thực hiện và quản lý sản xuất theo quy hoạch, đảm bảo phát triển sản xuất thủy sản nói chung và tôm lợ, mặn nói riêng theo Kế hoạch.

- Cập nhật quy hoạch chi tiết các vùng nuôi trồng thủy sản vào quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đảm bảo cho việc giao đất, cho thuê đất mặt nước ven biển nuôi trồng thủy sản.

- Quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc nuôi trồng thủy sản tự phát của người dân trên địa bàn.

- Khuyến khích, thu hút doanh nghiệp tư nhân, phát triển các mô hình hợp tác xã đầu tư vào nuôi, sản xuất giống tôm.

- Siết chặt hoạt động sản xuất, kinh doanh tôm giống, thức ăn, thuốc và chất xử lý cải tạo môi trường trong sản xuất tôm và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm tại địa phương mình quản lý.

- Xây dựng kế hoạch liên kết vùng để phát huy lợi thế sản xuất, kinh doanh tôm, hình thành trung tâm sản xuất tập trung ứng dụng công nghệ cao nhằm thu hút nguồn lực, phát triển các mô hình sản xuất sinh thái, hữu cơ, không sử dụng hoá chất, kháng sinh.

- Tổ chức thông tin kịp thời đặc biệt là thị trường, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường,.. Tuyên truyền, hướng dẫn người dân áp dụng các tiến bộ khoa học, nuôi tôm an toàn, nuôi tôm sạch.

- Căn cứ các chỉ tiêu về ngành tôm được phân bổ trong Kế hoạch này để xây dựng kế hoạch hành động cụ thể chi tiết cho địa phương mình tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả.

## 10. Các Hội, Hiệp hội nghề nghiệp

- Có trách nhiệm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người nuôi, chế biến, tiêu thụ sản phẩm tôm Bà Rịa – Vũng Tàu; tạo mối liên kết giữa người nuôi với ngân hàng, cơ quan khoa học, doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ, bảo đảm phát triển ổn định, chất lượng và hiệu quả.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng để khuyến khích, hỗ trợ ngành tôm phát triển, đồng thời tăng cường quản lý chặt chẽ chất lượng sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm tôm xuất khẩu; phối hợp với doanh nghiệp đẩy mạnh xúc tiến thương mại, ổn định và mở rộng thị trường; tham gia xây dựng định hướng chiến lược phát triển thị trường; thường xuyên thông tin về thị trường khu vực và trên thế giới cho doanh nghiệp và người nuôi tôm để chủ động trong sản xuất và kinh doanh xuất khẩu.

Thủ trưởng các đơn vị có liên quan phối hợp triển khai thực hiện, trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, vượt thẩm quyền thì kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết. /*lm*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH *mmh*

CHỖ CHỦ TỊCH



Lê Tuấn Quốc



**PHỤ LỤC 01. CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NGÀNH TÔM TỈNH BÀ RỊA –  
VŨNG TÀU ĐẾN NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 1900/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 của UBND tỉnh Bà  
Rịa – Vũng Tàu)

TT	Danh mục	Đơn vị	Đã thực hiện 2017	KH Thực hiện 2018	KH thực hiện 2020	KH thực hiện 2025	KH Tăng trưởng 2017-2020	KH Tăng trưởng 2021-2025
	<b>Diện tích</b>	<b>ha</b>	4.121,3	3.783	3.410	2.910	-5,75%	-2,93%
1	Tôm sú	ha	3.691,3	3.288	2.835	2.310	-7,73%	-3,70%
2	Tôm thẻ chân trắng	ha	430	495	575	600	11,24%	0,87%
	<b>Sản lượng</b>	<b>tấn</b>	5.340,5	6.290	8.204	8.500	17,87%	0,72%
1	Tôm sú	Tấn	2.565	2.630	2.744	2.400	2,33%	-2,51%
2	Tôm thẻ chân trắng	Tấn	2.775,5	3.660	5.460	6.100	32,24%	2,34%



**PHỤ LỤC 02. PHÂN BỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NGÀNH TÔM TỈNH  
BÀ RỊA – VŨNG TÀU ĐẾN NĂM 2025**

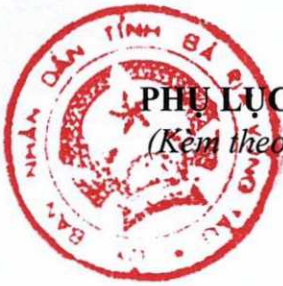
*(Kèm theo Quyết định số 1900/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)*

**I. PHÂN BỐ CHỈ TIÊU ĐẾN NĂM 2020:**

TT	Địa phương	Tôm nước lợ		Tôm sú		Tôm chân trắng	
		Tổng DT (ha)	Tổng SL (tấn)	DT tôm sú (ha)	SL tôm sú (tấn)	DT tôm TCT (ha)	SL tôm TCT (tấn)
1	TP.Bà Rịa	543	920	518	720	25	200
2	TP. Vũng Tàu	1495	1.245	1462	981	33	264
3	H. Long Điền	164	353	138	145	26	208
4	H.Đất Đỏ	494	3953	133	335	361	3.618
5	H. Xuyên Mộc	342	1518	212	348	130	1170
6	TX. Phú Mỹ	372	215	372	215	0	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.410</b>	<b>8.204</b>	<b>2.835</b>	<b>2.744</b>	<b>575</b>	<b>5.460</b>

**II. PHÂN BỐ CHỈ TIÊU ĐẾN 2025:**

TT	Địa phương	Tôm nước lợ		Tôm sú		Tôm chân trắng	
		Tổng DT (ha)	Tổng SL (tấn)	DT tôm sú (ha)	SL tôm sú (tấn)	DT tôm TCT (ha)	SL tôm TCT (tấn)
1	TP.Bà Rịa	413	913	378	615	35	298
2	TP. Vũng Tàu	1245	1102	1212	832	33	270
3	H. Long Điền	140	343	114	130	26	213
4	H.Đất Đỏ	499	4325	133	308	366	4.017
5	H. Xuyên Mộc	345	1612	205	310	140	1.302
6	TX. Phú Mỹ	268	205	268	205	0	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.910</b>	<b>8.500</b>	<b>2.310</b>	<b>2.400</b>	<b>600</b>	<b>6.100</b>



**PHỤ LỤC 03: DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

(Kèm theo Quyết định số 1900/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).

TT	Chương trình/Đề án/Dự án đầu tư	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
1	Dự án: Xây dựng mở rộng khu sản xuất giống thủy sản: Tại thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ khoảng 135 ha.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng công nghệ cao nuôi vi sinh khép kín, sản xuất giống thủy sản sạch bệnh, chống chịu môi trường có biến động.</li> <li>- Xây dựng và quảng bá thương hiệu giống thủy sản chất lượng sạch bệnh.</li> </ul>	Sở Nông nghiệp và PTNT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Xây dựng</li> <li>- Sở Tài nguyên môi trường</li> <li>- UBND huyện Đất Đỏ</li> </ul>	Từ 2016 đến 2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vốn nhà nước đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật</li> <li>- Vốn DN đầu tư các dự án thứ cấp nằm trong khu quy hoạch</li> </ul>
2	Xây dựng vùng nuôi tôm nước lợ diện tích khoảng 100 ha, tại xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc. Giải pháp thực hiện: Ứng dụng công nghệ nuôi vi sinh khép kín tuần hoàn hạn chế thay nước; Nuôi áp dụng theo phương pháp Biofloc; nuôi mô hình siêu thâm canh và theo quy trình nuôi Áp dụng VietGAP	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững, thân thiện môi trường, giảm thiểu ô nhiễm môi trường sinh thái.</li> <li>- Tạo ra nguồn sản phẩm thủy sản chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm</li> </ul>	UBND huyện Xuyên Mộc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Nông nghiệp và PTNT</li> <li>- UBND xã Phước Thuận</li> </ul>	Từ nay đến 2025	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vốn nhà nước đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật</li> <li>- Vốn DN đầu tư các dự án thứ cấp nằm trong khu quy hoạch.</li> </ul>
3	Cải tạo và nâng cấp hệ thống nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao tại Công ty Minh Phú Lộc An, với quy mô diện tích 50 -60ha.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.</li> <li>- Xây dựng thương hiệu uy tín, chất lượng, đồng thời tạo nguồn nguyên liệu lớn, chất lượng phục vụ cho nhu cầu tiêu thụ nội địa và hướng đến thị trường xuất khẩu.</li> </ul>	Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú Lộc An	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</li> <li>- UBND huyện Đất Đỏ</li> </ul>	Từ 2018 đến 2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vốn hỗ trợ từ Trung ương cho mô hình nuôi trồng ứng dụng CNC</li> <li>- Vốn DN đầu tư.</li> </ul>